

Số: /BC-HĐ

Hậu Giang, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2022

Căn cứ Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc Ban hành Quy định đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang về việc thành lập Hội đồng đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang;

Hội đồng đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang (gọi tắt là Hội đồng) báo cáo đánh giá mức độ chuyển đổi số (CĐS) của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2022, như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG

1. Kết quả đánh giá, xếp hạng các Sở, ban, ngành tỉnh (tổng số: 19 đơn vị)

- Xếp loại xuất sắc: 5/19 đơn vị (~26,3%), bao gồm Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Nội vụ và Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Xếp loại Tốt: 8/19 đơn vị (~42,1%), bao gồm: Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh, Sở Tài chính, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn phòng UBND Tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Công Thương và Sở Tư pháp.

- Xếp loại khá: 3/19 đơn vị (~15,8%), bao gồm: Sở Y tế, Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Xếp loại trung bình: 3/19 đơn vị (~15,8%), bao gồm: Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Dân tộc và Thanh tra Tỉnh.

- Xếp loại yếu: Không có.

2. Kết quả đánh giá, xếp hạng ngành dọc cấp tỉnh (tổng số: 05 đơn vị)

- Xếp loại xuất sắc: 4/5 đơn vị (80%), bao gồm: Cục Thuế, Bảo hiểm xã hội, Ngân hàng nhà nước và Kho bạc nhà nước.

- Xếp loại Tốt: 1/5 đơn vị (20%): Cục Thống kê.

- Xếp loại khá, trung bình, yếu: không có.

3. Kết quả đánh giá, xếp hạng UBND các huyện, thị xã, thành phố (tổng số: 08 đơn vị)

- Xếp loại xuất sắc: 1/8 đơn vị (12,5%): UBND huyện Châu Thành A.
- Xếp loại Tốt: 3/8 đơn vị (37,5%), gồm UBND: Thành phố Vị Thanh, thành phố Ngã Bảy và huyện Châu Thành.
- Xếp loại khá: 3/8 đơn vị (37,5%), gồm UBND: huyện Phụng Hiệp, huyện Long Mỹ và huyện Vị Thủy.
- Xếp loại trung bình: 1/8 đơn vị (12,5%): UBND thị xã Long Mỹ.
- Xếp loại yếu: Không có.

II. NHẬN XÉT CHUNG

1. Khối sở, ban, ngành tỉnh và ngành dọc tỉnh (24 đơn vị)

1.1. Về nhận thức số (tối đa 40 điểm)

- Người đứng đầu đơn vị là Giám đốc hoặc tương đương là Trưởng ban Ban chỉ đạo chuyển đổi số (điểm tối đa 10 điểm): Có 22/24 đơn vị thực hiện đúng quy định, 02 đơn vị chưa thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số là Thanh tra tỉnh và Ban dân tộc (chiếm 8,3%).

- Người đứng đầu đơn vị chủ trì, chỉ đạo chuyển đổi số (điểm tối đa 10): Nhìn chung người đứng đầu các đơn vị điều quan tâm trong chỉ đạo chuyển đổi số; chủ trì chỉ đạo thực hiện triển khai các văn bản cấp trên về chuyển đổi số; tham gia đầy đủ các cuộc họp về triển đổi số khi được triệu tập.

- Cổng thông tin điện tử của đơn vị đáp ứng quy định và có chuyên mục riêng về chuyển đổi số (điểm tối đa 20đ): Qua kiểm tra Cổng/Trang thông tin điện tử các đơn vị, phần lớn các đơn vị có quan tâm trong việc tuyên truyền về chuyển đổi số như tạo chuyên mục riêng và thường xuyên đăng tin, bài có liên quan để cán bộ, công chức và người dân theo dõi. Tuy nhiên, còn 05 đơn vị chưa có chuyên mục hoặc có chuyên mục nhưng tin bài rất thấp, như: Sở Y tế, Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra (chiếm 20,8%).

1.2. Về thể chế số (tối đa 10 điểm)

Trên cơ sở định hướng Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của tỉnh và tình hình thực tế tại đơn vị, các đơn vị đã chủ động xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số của phù hợp cho đơn vị mình. Tuy nhiên có 03/24 đơn vị chưa xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm là Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Ban dân tộc (chiếm 12,5%).

1.3. Về nhân lực số (tối đa 30 điểm)

- Tất cả các sở, ngành đều có cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về chuyển đổi số và an toàn thông tin. Do đặc thù từng cơ quan nên việc bố trí cán bộ thực hiện lĩnh vực này hoàn toàn không giống nhau, về số lượng vẫn đảm bảo để thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho đơn vị.

- Việc tập huấn, hướng dẫn về chuyển đổi số cho công chức, viên chức toàn đơn vị vẫn còn thấp, có 12/24 đơn vị triển khai thực hiện tốt, còn 12/24 đơn vị đạt tỷ lệ thấp.

1.4. Về an toàn thông tin (điểm tối đa 35 điểm)

Các đơn vị đã quan tâm trong việc đánh giá hồ sơ đề xuất cấp độ, các kịch bản, phương án ứng cứu, cử cán bộ tham gia đầy đủ lớp tập huấn về an toàn thông tin, quan tâm đầu tư về an toàn thông tin (phần mềm virus bản quyền). 23/24 đơn vị có công chức, viên chức tham gia lớp tập huấn ATTT khi được triệu tập (Còn 01 đơn vị không cử công chức tham gia tập huấn: Ban Dân tộc tỉnh).

1.5. Về hoạt động chính quyền số (tối đa 130 điểm)

Đa số các chỉ tiêu thuộc nội dung này các đơn vị đều thực hiện tốt, còn một vài chỉ tiêu đạt tỷ lệ rất thấp, như:

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ chưa cao (Phần lớn do hồ sơ không phát sinh).

- Tỷ lệ xử lý dịch vụ công trực tuyến tại một số đơn vị còn thấp, có 02 đơn vị tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến dưới 10% phát sinh là Sở Tư pháp và Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Chi ngân sách về chuyển đổi số thấp hơn 1% hoặc không có báo cáo chi về nội dung này, như: Sở Y tế, Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Dân tộc.

- Chủ động phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật thủ tục hành chính của ngành lên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC (*Cập nhật kịp thời, không quá 5 ngày khi có quyết định công bố thêm mới, điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ,..TTHC của UBND tỉnh*): Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện tốt này, các đơn vị còn lại (*trừ ngành dọc cấp tỉnh*) cập nhật chưa đảm bảo thời gian, nội dung hoặc không phát sinh Quyết định công bố mới, điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ. Nội dung này ảnh hưởng đến việc đồng bộ dữ liệu thủ tục hành chính giữa Cổng dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, đồng thời ảnh hưởng đến chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Chính phủ, do đó các đơn vị cần quan tâm, triển khai thực hiện tốt nội dung này trong thời gian tới.

- Các chỉ tiêu thành phần còn lại nhìn chung các đơn vị thực hiện tốt.

2. Khối UBND huyện, thị xã, thành phố

2.1. Về nhận thức số (tối đa 60 điểm)

- Người đứng đầu các đơn vị điều quan tâm trong chỉ đạo chuyển đổi số, chủ trì chỉ đạo thực hiện triển khai các văn bản cấp trên về chuyển đổi số và tham gia đầy đủ các cuộc họp liên quan nội dung này khi được triệu tập.

- Trang thông tin điện tử đơn vị có chuyên mục riêng về chuyển đổi số,

đồng thời thường xuyên đăng tin, bài có liên quan lên chuyên mục, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân tìm hiểu, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số.

- Chuyên mục chuyển đổi số của hệ thống truyền thanh cơ sở các đơn vị triển khai thực hiện đầy đủ.

- Tần suất hệ thống truyền thanh cơ sở phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số đảm bảo theo quy định 1 lần/tuần.

2.2. Về thể chế số (tối đa 10 điểm)

Trên cơ sở định hướng Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của tỉnh và tình hình thực tế tại đơn vị, 8/8 đơn vị đã chủ động xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số của phù hợp cho đơn vị mình.

2.3. Về nhân lực số (tối đa 65 điểm)

- Các Tổ công nghệ số cộng đồng từ xã đến ấp, khu vực thực hiện rất tốt việc tham gia tập huấn từ nền tảng Bộ TT&TT triển khai Onetouch.

- 5/8 đơn vị vẫn chưa giao nhiệm vụ chuyển đổi số cho Phòng Văn hóa và Thông tin, khó khăn cho vấn đề tham mưu lĩnh vực này, cụ thể: huyện Châu Thành, huyện Phụng Hiệp, thị xã Long Mỹ, huyện Long Mỹ và huyện Vị Thủy.

- Các đơn vị đều có cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về chuyển đổi số và an toàn thông tin. Do đặc thù từng cơ quan nên việc bố trí cán bộ thực hiện lĩnh vực này hoàn toàn không giống nhau, về số lượng vẫn đảm bảo để thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho đơn vị.

- Tỷ lệ người lao động được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số một số địa phương chưa cao dưới 50% dân số trong độ tuổi lao động, như: Huyện Long Mỹ và huyện Phụng Hiệp.

2.4. Về an toàn thông tin (tối đa 10 điểm)

8/8 đơn vị cử cán bộ tham gia đầy đủ lớp tập huấn về an toàn thông tin, quan tâm đầu tư về an toàn thông tin (phần mềm virus bản quyền).

2.5. Về hoạt động chính quyền số (tối đa 110 điểm)

Đa số các chỉ tiêu các đơn vị đều thực hiện tốt, có một vài chỉ tiêu đạt tỷ lệ rất thấp như:

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ chưa cao (Phần lớn do hồ sơ không phát sinh).

- Tỷ lệ xử lý dịch vụ công trực tuyến còn thấp.

- Tỷ lệ bưu chính công ích các đơn vị có phát sinh nhưng tỷ lệ còn thấp (tất cả các đơn vị phát sinh dưới 50%)

- Các tiêu chí thành phần còn lại các đơn vị thực hiện đảm bảo.

2.6. Về hoạt động kinh tế số (tối đa 20 điểm)

Việc chi đầu tư và thường xuyên cho kinh tế số chưa nhiều, mục chi riêng lĩnh vực này chưa có và mới định nghĩa gần đây nên một số đơn vị không thống kê báo cáo kịp thời, ảnh hưởng đến điểm số chung của đơn vị.

2.7. Về hoạt động xã hội số (tối đa 85 điểm)

- Các đơn vị hỗ trợ rất tốt cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận công nghệ số thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng, người dân được hướng dẫn cài đặt ứng dụng di động App Hậu Giang, ví điện tử để thanh toán không dùng tiền mặt, đưa sản phẩm lên sàn... tạo sự đồng thuận rất tốt trong toàn thể nhân dân.

- Các đơn vị từ huyện đến xã tạo được kênh thông tin riêng (Zalo OA-Zalo chuyển đổi số) để tuyên truyền trực tiếp, trao đổi 1-1 đến từng hộ dân của địa phương, đảm bảo phục vụ kịp thời nhu cầu thông tin cũng như hỏi đáp của người dân. Tuy nhiên, một vài đơn vị chưa triển khai kịp thời như thị xã Long Mỹ, huyện Long Mỹ và huyện Vị Thủy.

- Việc trả lời phản ánh, kiến nghị qua dịch vụ công, ứng dụng phản ánh hiện trường các đơn vị thực hiện tốt.

III. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CỤ THỂ

(Kèm theo phụ lục xếp hạng cụ thể)

Nơi nhận:

- Thường trực UBND tỉnh (để b/c);
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND cấp huyện;
- Thành viên Hội đồng;
- Lưu: VT, HĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG
MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH HẬU GIANG
CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Hồ Thu Ánh**

Phụ lục 01
ĐIỂM SỐ CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH (DTI)

(Đính kèm theo Báo cáo số: /BC-HĐ ngày /02/2023 của Hội đồng đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang)

STT	Tên đơn vị	Nhận thức	Thế chế	Nhân lực	ATTT	Chính quyền số	Điểm số	Xếp loại	Xếp hạng
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	40	10	26.25	32	124.81	233.06	Xuất sắc	1
2	Sở Khoa học và Công nghệ	40	10	24	33	116.2	223.2	Xuất sắc	2
3	Sở Thông tin và Truyền thông	40	10	30	28	114.56	222.56	Xuất sắc	3
4	Sở Nội vụ	40	10	22.5	35	114.86	222.36	Xuất sắc	4
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	40	10	25.75	31	114.48	221.23	Xuất sắc	5
6	Ban Quản lý các khu Công nghiệp	34	10	22	39	112.03	217.03	Tốt	6
7	Sở Tài chính	40	10	12.73	35	119.12	216.85	Tốt	7
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	40	10	19.5	35	111.99	216.49	Tốt	8
9	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	40	10	29.25	32	101.72	212.97	Tốt	9
10	Văn phòng UBND tỉnh	40	0	27.50	33	111.1	211.6	Tốt	10
11	Sở Xây dựng	34	10	28.75	31	107.5	211.25	Tốt	11
12	Sở Công Thương	40	10	19.88	26	113.17	209.05	Tốt	12
13	Sở Tư pháp	40	10	26.75	34	95.7	206.45	Tốt	13
14	Sở Y tế	30	10	20	31	104.61	195.61	Khá	14
15	Sở Giao thông vận tải	25	10	13.32	31	108.07	187.390	Khá	15
16	Sở Kế hoạch và Đầu tư	30	10	20.25	34	93.136	187.386	Khá	16
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	30	10	14.08	34	82.47	170.55	TB	17
18	Ban Dân tộc tỉnh	24	0	15.31	26	102.66	167.97	TB	18
19	Thanh tra tỉnh	20	0	13.5	32	99.36	164.86	TB	19

Phụ lục 02
ĐIỂM SỐ CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH DỤC (DTI)

(Đính kèm theo Báo cáo số: /BC-HĐ ngày /02/2023 của Hội đồng đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang)

STT	Tên đơn vị	Nhận thức	Thể chế	Nhân lực	ATTT	Chính quyền số	Điểm số	Xếp loại	Xếp hạng
1	Cục Thuế tỉnh	40	10	23.77	35	130	238.77	Xuất sắc	1
2	Bảo hiểm xã hội Hậu Giang	40	10	23	35	128.57	236.57	Xuất sắc	2
3	Ngân hàng Nhà nước Hậu Giang	34	10	21.43	35	130	230.43	Xuất sắc	3
4	Kho bạc Nhà nước Hậu Giang	29	10	18.38	35	130	222.38	Xuất sắc	4
5	Cục Thống kê	30	10	14.38	35	130	219.38	Tốt	5

Phụ lục 03
ĐIỂM SỐ CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP HUYỆN (DTI)

(Đính kèm theo Báo cáo số: /BC-HĐ ngày /02/2023 của Hội đồng đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang)

STT	Tên đơn vị	Nhận thức	Thế chế	Nhân lực	ATTT	Chính quyền số	Kinh tế số	Xã hội số	Tổng điểm	Xếp loại	Xếp Hạng
1	UBND huyện Châu Thành A	54	10	64.5	10	86	20	84.14	328.64	Xuất sắc	1
2	UBND thành phố Vị Thanh	60	10	63.08	9.5	77.64	12	76.25	308.47	Tốt	2
3	UBND thành phố Ngã Bảy	60	10	56.51	9	73.94	12	71.06	292.51	Tốt	3
4	UBND huyện Châu Thành	54	10	48.05	9.75	76.59	19	74.93	292.32	Tốt	4
5	UBND huyện Phụng Hiệp	54	10	49.27	10	75.68	12	70.36	281.31	Khá	5
6	UBND huyện Long Mỹ	54	10	43.9	10	71.54	19	45.59	254.03	Khá	6
7	UBND huyện Vị Thủy	54	10	44.29	8	71.45	12	52.54	252.28	Khá	7
8	UBND thị xã Long Mỹ	54	10	42.18	7.75	70.94	12	47.71	244.58	TB	8